

MÔN VĂN - KHỐI 11
HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI CÂU HỎI, BÀI TẬP VĂN BẢN
“TRÀNG GIANG”

(Huy Cận)

Câu 1. Nêu ngắn gọn ý nghĩa lời đề từ “*Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài*”.

- “*trời rộng*”, “*sông dài*”: không gian rộng lớn, mênh mông ở cả chiều dài và rộng.

- “*Bâng khuâng*”, “*nhớ*”: cảm xúc, tâm trạng của chủ thể trữ tình trong không gian rộng lớn.

=> Lời đề từ bộc lộ sự cô đơn, nhỏ bé của con người trước cái rộng ngợp của thiên nhiên, vũ trụ.

Câu 2. Nhận xét về bức tranh thiên nhiên trong bài thơ:

- Hình ảnh thiên nhiên trong bài thơ gắn với “*sông dài*”, “*trời rộng*”.

- Không gian qua mỗi khổ lại được rộng mở hơn: sóng gợn buồn “*điệp điệp*”, “*thuyền về nước lại*”, “*củi một cành khô*”, “*nắng xuống trời lên*”, “*sông dài trời rộng*”, bèo dạt theo hàng, “*bờ xanh tiếp bãi vàng*”, “*lớp lớp mây cao đùn núi bạc*”...

- Các hình ảnh thiên nhiên gợi nỗi buồn sâu sắc:

+ Những gợn sóng lẫn lẫn mang nỗi buồn tỏa khắp không gian.

+ Cành củi khô lạc lõng giữa dòng như cảnh ngộ và thân phận của con người.

+ Cảnh vật vắng lặng, gần như không có con người, chỉ có thiên nhiên rộng ngợp, không có sự sẻ chia mang lại nỗi cô đơn, sầu muộn.

+ Hoàng hôn buông xuống qua cánh chim nhỏ gợi nỗi buồn nhớ quê hương.

Câu 3. Về đẹp vừa cổ điển vừa hiện đại trong bài thơ:

a. Về đẹp cổ điển:

- Đề tài sông nước, nỗi sầu từ vạt cổ của kiếp người bé nhỏ, hữu hạn trước thời gian vô hạn, không gian vô cùng.

- Nhan đề “*Tràng giang*”: từ Hán Việt gợi sắc thái cổ kính của thơ Đường.

- Thể thơ: thất ngôn, cách ngắt nhịp truyền thống 4/3, 2/2/3.

- Thi liệu: các hình ảnh quen thuộc trong thơ cổ (tràng giang, bờ bãi đìu hiu, cánh chim...), đặc biệt là khai thác sự đối lập giữa thiên nhiên rộng lớn và con người nhỏ bé.
- Bút pháp: tả cảnh ngụ tình, lấy động tả tĩnh, lấy cái vô hạn để tả cái hữu hạn, lấy cái mênh mông rộng ngợp để tả cái bé nhỏ mong manh...

b. Vẻ đẹp hiện đại:

- Đề tài: tuy quen thuộc trong thơ cổ, nhưng “*Tràng giang*” đồng thời thể hiện “nỗi buồn thế hệ” của một “cái tôi” Thơ mới thời mất nước.
- Thi liệu: bên cạnh những thi liệu quen thuộc trong thơ cổ, bài thơ còn có những hình ảnh chân thực, không ước lệ: *củi khô*...
- Bút pháp: giải bày trực tiếp “cái tôi” trữ tình qua những từ ngữ thể hiện cảm xúc: “*buồn điệp điệp*”, “*sầu trăm ngả*”, “*không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà*”; qua những sáng tạo mang dấu ấn xúc cảm cá nhân của tác giả: “*sầu chót vót*”, “*niềm thân mật*”, “*dợn dợn*”....

Câu 4.Có ý kiến cho rằng tình yêu thiên nhiên của Huy Cận trong bài thơ thấm đượm lòng yêu nước thầm kín.

- Đồng tình với ý kiến trên.
- Lý giải:

+Cảnh vật thiên nhiên trong thi phẩm gắn với nỗi sầu muộn vì sự bé nhỏ, hữu hạn của con người trước không gian rộng lớn. Nhưng những hình ảnh chỉ sự lạc lõng, đơn côi của con người như “*cành củi khô*” đi lạc, bèo dạt nổi thành hàng, cảnh vật không có sự sẻ chia kết nối... đó là dấu hiệu cho nỗi buồn của kẻ tha hương, không tìm thấy nơi thuộc về mình.

+Đặc biệt, hai câu kết: “*Lòng quê dợn dợn vời con nước/ Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà*” trực tiếp bộc lộ xúc cảm “nhớ nhà”. Lòng thương nhớ quê nhà chẳng cần đến khói sóng mà vẫn trào dâng. Nỗi nhớ ấy hòa quyện cùng tình yêu thiên nhiên. Câu thơ cuối nặng lòng nhớ nhà, nhớ quê, thực chất chính là tiếng nói yêu nước của người trí thức buổi nước mất nhà tan.